

PHẠM THỊ THỦY CHUNG*

TÍN NGƯỠNG TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHƠ-ME Ở NAM BỘ: ĐẶC ĐIỂM VÀ PHÂN LOẠI

Tóm tắt: Cộng đồng người Khơ-me ở Nam Bộ có một nền văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo vô cùng phong phú và đặc sắc. Mặc dù Phật giáo Nam tông được coi là tôn giáo chủ đạo, ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội, nhưng trong thực tế, tín ngưỡng truyền thống chiếm một vị trí rất quan trọng trong đời sống của người Khơ-me và thường xuyên được thực hành đan xen với Phật giáo. Dựa vào quan điểm của Clifford Geertz về diễn giải văn hóa, phương pháp tổng quan tài liệu và nghiên cứu thực địa, bài viết này tập trung phân tích chỉ ra những hình thức tín ngưỡng đặc trưng của người Khơ-me ở Nam Bộ, từ đó tiến hành phân loại và luận giải về các đặc điểm nổi bật, nhằm đóng góp một góc nhìn sâu sắc và mang tính hệ thống hơn về văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng này.

Từ khóa: Tín ngưỡng dân gian, người Khơ-me, đặc điểm, phân loại, Nam Bộ.

Ngày nhận bài: 20/10/2025, ngày phản biện: 05/11/2025, ngày duyệt đăng: 15/11/2025.

Giới thiệu

Ở Việt Nam, người Khơ-me (Khmer) nằm trong số sáu cộng đồng dân tộc có dân số đông nhất (Tổng điều tra dân số và nhà ở, 2019), địa bàn cư trú tập trung là khu vực Tây Nam Bộ và rải rác ở nhiều địa phương khác trong cả nước. Cộng đồng Khơ-me ở đây có một nền văn hóa đa dạng và mang đậm đặc trưng văn hóa tộc người, trong đó, tín ngưỡng, tôn giáo có vai trò trung tâm trong các hoạt động văn hóa cộng đồng. Do đặc điểm tổ chức xã hội truyền thống tương đối khép kín, đời sống văn hóa tín ngưỡng của người Khơ-me mang tính cộng đồng cao và duy trì được nhiều nét đặc trưng cho đến ngày nay.

Trong bức tranh đa sắc màu của văn hóa Việt Nam, văn hóa Khơ-me đã thu hút nhiều nhà khoa học trên thế giới và ở Việt Nam tiến hành nghiên cứu, trong đó có một số tác giả là người dân tộc Khơ-me. Theo tổng hợp của tác giả G. E. Coedès (Nguyễn Thừa Hỷ dịch, 2011) và tác giả Kiều Thu Hoạch (2016), nguồn sử liệu sớm nhất về lịch sử văn hóa Khơ-me là nguồn sử liệu Trung Hoa, rải rác qua ghi chép của các viên phái bộ sứ thần và bia ký. Những ghi chép của Châu Đạt Quan (Lê Hương dịch, 1973) trong thời gian tham gia đoàn sứ bộ tới vùng đất Chân Lạp năm 1295 là tư liệu hiếm hoi về Chân Lạp trong quá khứ và được coi là một trong những nguồn tham khảo đặc biệt, quan trọng về đời sống, xã hội của vùng đất này. Lê Hương, một trong những tác giả có đóng góp quan trọng và được trích dẫn khá nhiều trong các nghiên cứu về người Khơ-me, trong *Người Việt gốc Miên* (1969) cho rằng, sử dĩ lịch sử văn hóa Khơ-me còn nhiều điểm chưa được thống nhất, bởi vì xưa kia người Khơ-me không dùng giấy mà chỉ viết chữ lên lá buông, lá này trong khoảng 150 năm có thể bị mục nát và nội dung ghi trên đó cũng thất thoát. Người Pháp khi sang Việt Nam đã có những đóng góp đáng kể trong việc tập hợp các nguồn sử liệu, xâu chuỗi lại và hình thành nên những ghi chép lịch sử có hệ thống đầu tiên về văn hóa Khơ-me ở Việt Nam. Sau đó, với các nghiên cứu của một số học giả Việt Nam, lịch sử văn hóa Khơ-me đã dần trở nên rõ nét hơn.

Văn hóa Khơ-me (bao gồm văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo) được khảo tả khá phong phú qua các tập tư liệu được sưu tầm khoảng cuối thế kỷ XX, về truyền thuyết, truyện cổ của các tác giả Huỳnh Ngọc Trảng (và các cộng sự, 1983), Sô-ry-a (1988), Sơn Phước Hoan (1997), Tiền Văn Triệu (2011), Hoàng Túc (2011),... Các nghiên cứu về văn hóa Khơ-me nở rộ vào đầu thế kỷ XXI với hàng loạt ấn phẩm, luận văn của các nhà

* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: chungphamttn@gmail.com

ngiên cứu trẻ, có những góc nhìn cụ thể hơn những nghiên cứu đi trước. Đó là các tác giả Nguyễn Thị Tâm Anh (2015), Nguyễn Hữu Hiếu (2015); một số nhóm tác giả đã thực hiện những công trình cung cấp cái nhìn khá bao quát, như tập kỷ yếu hội thảo khoa học *Bảo tồn và phát huy Lễ hội Óoc Om Boc - Đua ghe ngo Sóc Trăng* do Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam phối hợp với Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổ chức (2009); công trình *Văn hóa phi vật thể các dân tộc tỉnh Sóc Trăng* của nhóm tác giả trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện, do tác giả Lâm Nhân và Trần Văn Út đồng chủ biên (2015); *Tôn giáo, tín ngưỡng ở khu vực Tây Nam Bộ hiện nay* của Nguyễn Thị Quế Hương và cộng sự (2022); hoặc chuyên sâu như *Ghe ngo của người Khmer Nam Bộ: Từ cộng đồng đến bảo tàng* của Phạm Thị Thủy Chung (2021), từ tiếp cận nhân học văn hóa và bảo tàng. Bên cạnh đó, còn có một số bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành đã đóng góp nhiều tư liệu và phân tích quan trọng về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Khơ-me trong truyền thống và đương đại, như tác giả Phan Anh Tú (2014; 2021), Nguyễn Thị Thu Hương (2016), Huỳnh Hiếu Trung (2017), Nguyễn Hoàng Tuấn (2017), Nguyễn Thanh Lợi (2018), Danh Lùng (2020), Thạch Pích (2020), Phạm Thị Thủy Chung (2020; 2024), Nguyễn Thị Hoàng Phượng (2022)...

Mặc dù vẫn còn một số điểm mờ gây nhiều tranh cãi, nhưng các học giả đã gần như thống nhất rằng, văn hóa Óc Eo được coi là những dấu vết nền tảng về văn hóa của người Khơ-me ở Việt Nam. Đây là một trong những nền văn minh đã hình thành sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á, trong khoảng 10 thế kỷ đầu Công nguyên, thuộc vùng đất Nam Bộ của Việt Nam ngày nay. Ấn Độ giáo đóng vai trò cốt lõi trong việc hình thành các đặc trưng văn hóa Khơ-me. Tuy nhiên, cùng với thời gian và quá trình chuyển dịch của cư dân qua các vùng đất, với ảnh hưởng của các đặc điểm địa lý, tự nhiên cụ thể, cộng đồng Khơ-me ở mỗi vùng lại khẳng định một số nét bản sắc riêng biệt. Các nghiên cứu về văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng Khơ-me khá phong phú, tuy nhiên, chủ yếu sử dụng phương pháp khảo tả và có nhiều sự trùng lặp, trong khi đó, còn thiếu vắng những nghiên cứu mang tính phương pháp luận. Bài viết này, kế thừa những nghiên cứu đi trước¹, kết hợp với kết quả nghiên cứu thực địa từ năm 2014 đến 2025 của tác giả, dựa vào cách tiếp cận diễn giải văn hóa theo quan điểm của Clifford Geertz (1973), từ đó cung cấp một góc nhìn về đời sống tín ngưỡng truyền thống của người Khơ-me một cách sâu sắc và có tính hệ thống hơn, thông qua những đặc điểm cơ bản và phân loại theo một số loại hình tín ngưỡng đặc trưng.

1. Khái quát về tín ngưỡng truyền thống của người Khơ-me ở Nam Bộ

Trong đời sống xã hội truyền thống của người Khơ-me, bên cạnh các nhà sư Phật giáo thì các vị *achar* được coi là những người có uy tín cao nhất trong phum, sóc về tri thức và đạo đức,² có vai trò quan trọng trong việc chăm lo công việc nội bộ của cộng đồng và quan hệ với bên ngoài, đặc biệt, chăm lo các hoạt động tín ngưỡng, hướng dẫn thực hành các phong tục, tập quán, nghi lễ, lễ hội truyền thống... (Nguyễn Khắc Cảnh, 2013: 5-14). Các lễ hội cũng là một phần quan trọng trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Khơ-me, trong đó, các lễ hội liên quan đến lễ tiết và chu kỳ nông nghiệp là những lễ hội quan trọng nhất trong năm, như Tết Chol Chnam Thmay (Lễ hội mừng năm mới), lễ hội Ook Om Bok (lễ hội cúng Trăng và ăn cơm dẹp, gắn với đua ghe ngo).

Nhìn một cách khái quát, có thể thấy đời sống tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống của người Khơ-me ở Nam Bộ là một phức hợp bao gồm các thành tố Phật giáo Nam tông, các thành tố có nguồn gốc Ấn Độ giáo, các thành tố phong tục, tập quán mang bản sắc địa phương. Mặc dù, ngôi chùa Phật giáo Khơ-me đóng vai trò trung tâm trong đời sống cộng đồng, nhưng sinh hoạt Phật giáo không hoàn toàn phân lập mà có nhiều nghi lễ cho thấy sự hòa quyện giữa truyền thống Phật giáo nguyên thủy với tín ngưỡng dân gian. Trong các sự kiện

¹ Một số vấn đề phân tích và khảo tả chi tiết, xin xem thêm các nghiên cứu đã công bố của tác giả bài viết, có đề cập trong danh mục Tài liệu tham khảo.

² *Achar* trong tiếng Sanskrit có nghĩa là “hiểu biết” (Xem thêm: Nguyễn Thị Thu Hương, 2016: 24-33).

tín ngưỡng, tôn giáo lớn thường có sự tham gia của cả các vị sư và *achar*, đây cũng chính là một nét đặc trưng trong cách ứng xử nhân văn và khoan dung tôn giáo của cộng đồng Khơ-me. Do lịch sử di cư của cộng đồng, người Khơ-me đã tiếp nhận nhiều yếu tố văn hóa Ấn Độ thông qua Phật giáo Nam tông và Bà la môn giáo. Cũng như nhiều cộng đồng khác, người Khơ-me tin rằng để vượt qua những khó khăn, trắc trở trong cuộc sống sinh hoạt và lao động vì sinh kế, họ cần dựa vào sự trợ giúp của các vị thần bảo hộ. Nhiều vị thần được người Khơ-me thờ cúng có tiền thân là các vị thần trong văn hóa Ấn Độ như Bà Đen/Neang Khmau (Kali), Neak Tà (Shiva). Nhiều biểu tượng trong tín ngưỡng, tôn giáo của người Khơ-me có ý nghĩa biểu trưng tương đồng với quan niệm trong văn hóa Ấn Độ, như biểu tượng rắn thần Naga, Krud (Garuda), Chăn/Yăk (Yaksha),...

Theo Clifford Geertz (1973), tôn giáo³ là một hệ thống biểu tượng giúp con người diễn đạt và củng cố trật tự thế giới của mình, gắn với những ý nghĩa văn hóa được con người kiến tạo nên. Theo đó, có thể nhận thấy, sự đan xen giữa Phật giáo Nam tông, Ấn Độ giáo và tín ngưỡng dân gian cho thấy một hệ thống đức tin đa tầng, nơi mà các đặc điểm cơ bản của tín ngưỡng truyền thống được thể hiện rõ rệt. Tín ngưỡng, tôn giáo của người Khơ-me ở Nam Bộ vừa phản ánh lịch sử giao thoa văn hóa lâu dài, vừa thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt của cộng đồng Khơ-me trong việc tiếp nhận và tái cấu trúc các yếu tố tôn giáo ngoại sinh. Chính nhờ đó, tín ngưỡng truyền thống Khơ-me vẫn duy trì được những nét đặc trưng mạnh mẽ trong quá trình hiện đại hóa và toàn cầu hóa, tiếp tục tồn tại như một mô hình di sản tôn giáo/di sản sống đa tầng – nơi các hệ thống niềm tin cùng tồn tại một cách hòa hợp và bổ trợ cho nhau.

2. Các đặc điểm cơ bản trong tín ngưỡng truyền thống Khơ-me

2.1. Thế giới quan hòa hợp với tự nhiên

Đời sống của người Khơ-me luôn gắn bó với thế giới tự nhiên. Thế ứng xử của người Khơ-me với thế giới tự nhiên thể hiện trong các lễ hội, truyền thống thờ cúng các vị thần đại diện cho sức mạnh siêu nhiên, tín ngưỡng vật linh,... Họ tin rằng, đất đai, nguồn nước, mùa màng... đều có linh hồn và sức mạnh siêu nhiên. Chẳng hạn, đa số các Neak Tà là các vị thần đại diện cho tự nhiên, bảo trợ sự bình yên trong từng không gian cụ thể (Neak Tà nguồn nước, Neak Tà rừng, Neak Tà núi, Neak Tà ruộng rẫy, Neak Tà cây cỏ thụ,...) (Phan Anh Tú, 2021; Phạm Thị Thủy Chung và cộng sự, 2024). Khi gặp khó khăn như hạn hán, lụt lội hoặc bệnh tật gia đình, người Khơ-me thường ra miếu Neak Tà khấn vái, cầu mong được các vị thần bảo trợ giúp đỡ, tìm phương pháp hóa giải tai ương, mang lại bình an. Lễ hội Ok Om Bok cũng thể hiện rất rõ quan niệm của người Khơ-me về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên: Đến kỳ lúa nếp trở bông, người Khơ-me tổ chức cúng thần Mặt Trăng, thần Đất, thần Nước để tạ ơn các vị thần đã phù hộ cho mùa màng bội thu. Vật phẩm cúng là cơm dẹp (nếp non rang, giã dẹp, sàng vỏ, trộn cùng nước dừa, dừa nạo, đường...) cùng các sản vật mới của vụ mùa. Nghi thức này phản ánh một triết lý sống lấy tự nhiên làm gốc của nông dân Khơ-me. Quan niệm vạn vật hữu linh còn thể hiện ở tín ngưỡng thờ thần Lúa, thần che chở ghe ngo,... Có thể nhận thấy, thế giới quan tôn kính các thế lực siêu nhiên, mong muốn duy trì mối quan hệ tương tác hài hòa với các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên là một đặc điểm cơ bản của tín ngưỡng truyền thống Khơ-me.

Đặc điểm này mô tả cách thức người Khơ-me xây dựng một thế giới quan và một tâm thế ứng xử hài hòa với môi trường xung quanh. Geertz lập luận rằng tôn giáo thiết lập các khái niệm về một trật tự tồn tại chung. Đối với người Khơ-me, điều này được thể hiện qua niềm tin rằng đất đai, nguồn nước, cây cỏ... đều có linh hồn và sức mạnh siêu nhiên. Các thực thể đại diện cho sức mạnh siêu nhiên như thần Mặt Trăng, thần Đất, thần Nước, Neak Tà... tồn tại và khẳng định bản chất cơ bản của thế giới là vạn vật hữu linh, cần được tôn trọng và tương tác hài hòa. Từ quan niệm này, người Khơ-me thiết lập một tâm thế

³ Clifford Geertz thường sử dụng thuật ngữ “tôn giáo truyền thống” khi đề cập đến tín ngưỡng, tín ngưỡng truyền thống, tín ngưỡng dân gian,... trong văn hóa của các bộ lạc hoặc các cộng đồng cư dân nông nghiệp.

ứng xử đề cao sự tôn kính, biết ơn và tìm kiếm sự che chở/bảo hộ của các vị thần, các thế lực siêu nhiên, coi đây là nguồn gốc của sự đảm bảo đời sống âm no, hạnh phúc và hóa giải tai ương.

2.2. Tính nguyên hợp

Tính nguyên hợp (còn được hiểu là hỗn dung) là một đặc điểm cơ bản của tín ngưỡng truyền thống Khơ-me, phản ánh cách thức người Khơ-me dung hòa, pha trộn và tái cấu trúc các yếu tố văn hóa - tôn giáo khác nhau trong diễn trình lịch sử. Khái niệm “nguyên hợp” (syncretism) được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu tôn giáo. Theo C. Stewart và R. Shaw (1994), nguyên hợp là sự kết hợp các yếu tố từ những truyền thống tôn giáo khác nhau tạo thành một hệ thống đức tin và thực hành mới mang tính nhất quán. Trong nghiên cứu tôn giáo Đông Nam Á, nguyên hợp không chỉ là hiện tượng tôn giáo, mà còn là một cơ chế văn hóa được bản địa hóa, hoặc địa phương hóa (localization), giúp các cộng đồng dân cư trong địa phương, khu vực thích nghi với ảnh hưởng của các hệ thống tôn giáo du nhập từ bên ngoài.

Đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Khơ-me ở Nam Bộ là sự dung hợp giữa nhiều yếu tố đức tin, quan niệm có nguồn gốc từ một số truyền thống khác nhau. Tính nguyên hợp thể hiện rõ nét trong cấu trúc niềm tin và đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Khơ-me (tôn kính và biết ơn, tin tưởng vào sự che chở, bảo hộ của Đức Phật, các vị thần, thế giới tự nhiên, ông bà tổ tiên...). Về phương diện lịch sử, tín ngưỡng, tôn giáo của người Khơ-me chịu ảnh hưởng sâu sắc của Ấn Độ giáo và Phật giáo Nam tông từ rất sớm, đồng thời, vẫn duy trì những lớp tín ngưỡng mang bản sắc địa phương như tín ngưỡng vật linh (animism) và thờ cúng tổ tiên. Sự hòa trộn này không diễn ra theo xu hướng loại trừ hay phân tầng mà theo logic tích hợp, cùng tồn tại và quyền năng thiêng đa dạng. Người Khơ-me không phân định vị thế cao thấp khác nhau của Đức Phật Thích Ca hay Neak Tà. Với từng nghi lễ cụ thể, cho dù với vật phẩm đơn sơ, họ luôn thực hành với sự thành kính, trang trọng, bởi với họ, Đức Phật hay các vị Neak Tà sở hữu những quyền lực linh thiêng khác nhau nhưng cùng vận hành để bảo trợ cho sự bình yên, no ấm của cộng đồng. Nhiều vị thần trong tín ngưỡng truyền thống Khơ-me (Neak Tà, Neang Khmau...) được đồng hóa hoặc cho là có tiền thân là các vị thần Ấn Độ như Shiva, Kali, hoặc với tổ tiên dòng họ (qua hình tượng Arăk), tạo thành một hệ thống tín ngưỡng đa dạng, khó bóc tách riêng biệt.

Sự dung hợp trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Khơ-me còn thể hiện rất rõ trong các hình thức thực hành. Ở các cấp độ xã hội, tính nguyên hợp thường xuyên được thể hiện qua sự tồn tại đan xen giữa các nghi lễ Phật giáo và các nghi lễ dân gian. Nhiều lễ hội của người Khơ-me như Chol Chnăm Thmây, Sen Đôlta hay Ok Om Bok - đua ghe ngo được tổ chức kết hợp giữa nghi lễ Phật giáo (với sự chủ trì của các nhà sư) và nghi lễ dân gian (với sự chủ trì của các *achar*). Trong khi các nhà sư thực hiện nghi lễ Phật giáo, hoằng pháp, tụng kinh chúc phúc, cầu an, cầu siêu, thì các *achar* lo việc cầu cúng, đọc chú, hướng dẫn gia chủ thực hành nghi lễ theo phong tục, tập quán dân gian. Trong không gian ngôi chùa, ngoài các nghi lễ Phật giáo, người Khơ-me có thể thực hiện các nghi lễ cầu mưa, cúng đất, cúng Bà Đen (Neang Khmau), thần bảo trợ ghe ngo, hoặc lễ nhập tu báo hiếu, lễ tang, ... Tất cả các nghi lễ này đều được xem là biểu hiện của lòng hiếu kính và hòa hợp giữa con người với tự nhiên, thần linh và tổ tiên. Người Khơ-me ở khu vực Đông Nam Bộ có một lễ hội rất độc đáo là lễ hội Phá bầu (Dua Tpeng), một mặt lễ hội này thể hiện văn hóa ứng xử của con người với môi trường sống, qua cách khai thác nguồn lợi hướng tới sự bền vững, mặt khác, lễ hội cũng thể hiện quy tắc ứng xử với người có uy tín hoặc có công với cộng đồng thông qua nghi thức biếu con cá to nhất cho người cao tuổi, được kính trọng nhất trong cộng đồng. Thông qua những quy tắc ứng xử này, người Khơ-me duy trì sự gắn kết hướng tới sự phát triển bền vững chung của cả cộng đồng. Lễ hội Phá bầu có thể được coi là điển hình của tính nguyên hợp trong tín ngưỡng truyền thống của người Khơ-me Nam Bộ.

Trong những thập kỷ gần đây, có thể nhận thấy hiện tượng hỗn dung tín ngưỡng của người Khơ-me với người Việt và người Hoa sinh sống cùng địa bàn. Tại một số miếu thờ Neak Tà, Bà Đen của người Khơ-me có sự tham gia thờ cúng của người Việt, người Hoa, theo đó cũng dần tích hợp những yếu tố văn hóa Việt

và Hoa trong hình thức thờ tự và thực hành nghi lễ. Đáng chú ý, sự hỗn dung còn diễn ra giữa các loại hình tín ngưỡng truyền thống trong cộng đồng Khor-me, ví dụ như hiện tượng tiếp biến tín ngưỡng thờ Arăk và tín ngưỡng Neak Tà (Vĩnh Thông, 2024). Có thể thấy, tính nguyên hợp của tín ngưỡng Khor-me rất đa dạng, không chỉ là kết quả của giao thoa văn hóa, mà còn thể hiện một cách thức sáng tạo để duy trì bản sắc dân tộc trong bối cảnh đa tín ngưỡng, tôn giáo nhằm thích ứng với môi trường sống địa phương.

Tính nguyên hợp trong tín ngưỡng của người Khor-me là một minh chứng điển hình cho cấu trúc của tín ngưỡng truyền thống. Geertz mô tả cấu trúc của các tôn giáo truyền thống vốn rời rạc, lỏng lẻo và mang tính cơ hội, thay vì một hệ thống triết lý, đức tin thống nhất. Trong trường hợp của người Khor-me, các yếu tố đức tin và biểu tượng tín ngưỡng, tôn giáo có nguồn gốc từ Phật giáo Nam tông, Ấn Độ giáo, tín ngưỡng vật linh dân gian... hòa trộn với nhau nhằm đáp ứng từng phần nhu cầu tín ngưỡng của người dân. Bên cạnh đó, sự tham gia của các nhà sư Phật giáo và các *achar* trong cùng một nghi lễ cho thấy quan niệm về sự quan trọng của ý nghĩa tín ngưỡng, tôn giáo trong thực hành nghi lễ được đề cao hơn tính thống nhất của đức tin và giáo lý. Điều này cũng phù hợp với quan điểm của Geertz khi ông cho rằng, các hiện tượng tôn giáo không tĩnh tại, mà gắn liền với cuộc sống và nghi lễ hằng ngày của một cộng đồng và ý nghĩa đầy đủ của chúng chỉ có thể được khám phá thông qua phương pháp diễn giải. Thay vì tập trung vào việc phân tích niềm tin có “đúng” hay không, Geertz quan tâm nhiều hơn đến những chức năng cụ thể của tôn giáo truyền thống trong việc tổ chức trải nghiệm, cung cấp khuôn khổ đạo đức để con người định hình hành vi và cảm xúc.

2.3. Tính cộng đồng

Trước khi chịu sự quản lý của triều đình nhà Nguyễn, cộng đồng Khor-me sinh sống thành những nhóm tụ cư nhỏ và tổ chức thành những đơn vị xã hội tự quản như phum, sóc, ràng buộc với nhau bởi các phong tục, lễ nghi truyền thống, trong đó, ngôi chùa Phật giáo là trung tâm sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng. Trải qua nhiều biến đổi theo điều kiện lịch sử - xã hội, cho đến nay, cộng đồng Khor-me ở Nam Bộ vẫn duy trì tính cộng đồng cao trong hầu hết hoạt động của đời sống xã hội. Từ những lễ hội lớn như Ok Om Bok - đua ghe ngo, Sen Đôlta, Chôl Chnăm Thmây, cho đến những nghi lễ vòng đời như nhập tu báo hiếu, tang lễ... thì ngôi chùa vẫn là trung tâm thực hành nghi lễ, cùng với các hoạt động văn hóa, các sinh hoạt tập thể, thu hút sự tham gia đông đảo của cả cộng đồng. Việc tham gia thực hành tín ngưỡng truyền thống xuất phát từ nhu cầu bày tỏ, thỏa mãn và chia sẻ đức tin của mọi thành viên trong cộng đồng, bên cạnh đó, thông qua sinh hoạt nghi lễ cộng đồng, mỗi cá nhân nhận lại những giá trị đạo đức, sự gắn kết ngày càng bền chặt trong mối quan hệ với cộng đồng.

Tính cộng đồng trong tín ngưỡng truyền thống của người Khor-me nhấn mạnh vai trò của tín ngưỡng, tôn giáo trong việc củng cố sự gắn kết xã hội thông qua nghi lễ và hành vi, mà Geertz coi là cốt lõi của hệ thống văn hóa tôn giáo. Các nghi lễ cộng đồng (như lễ hội Ok Om Bok, Sen Đôlta, Tết Chôl Chnăm Thmây) diễn ra tại chùa (trung tâm sinh hoạt tôn giáo) không chỉ là sự bày tỏ đức tin, mà còn là phương tiện để củng cố các giá trị đạo đức và sự gắn kết quan hệ cộng đồng. Nghi lễ diễn ra như một hình thức biểu hiện của đức tin và là nơi để các ý tưởng tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng được chuyển hóa thành thái độ và hành vi cá nhân. Việc các vị *achar* đảm nhiệm vai trò hướng dẫn thực hành trong các phong tục, tập quán, nghi lễ truyền thống đảm bảo rằng các hành vi tín ngưỡng được thực hiện theo mã hóa văn hóa đã được cộng đồng thiết lập và duy trì qua nhiều thế hệ.

3. Một số loại hình tín ngưỡng truyền thống đặc trưng của người Khor-me ở Nam Bộ

Trong ba đặc điểm cơ bản nêu trên, tính nguyên hợp và tính cộng đồng hiện diện trong hầu hết các loại tín ngưỡng của người Khor-me, trong khi đó thế giới quan hòa hợp với tự nhiên là đặc điểm tập trung ở một số loại tín ngưỡng thuộc tín ngưỡng vật linh và tín ngưỡng nông nghiệp. Do đó, việc phân chia theo các loại hình tín ngưỡng dưới đây chỉ mang tính tương đối, không hướng tới sự khu biệt, mà là sự minh họa rõ

ràng hơn, cụ thể hơn cho những đặc điểm cơ bản của tín ngưỡng truyền thống của người Khơ-me Nam Bộ; đồng thời, các loại hình tín ngưỡng cũng cho thấy sự tương đồng về mặt quan niệm và đức tin truyền thống của người Khơ-me Nam Bộ với nhiều cộng đồng khác ở Việt Nam. Trong khi tín ngưỡng vật linh đại diện cho tầng tín ngưỡng cổ xưa nhất, thì tín ngưỡng nông nghiệp nhấn mạnh mối quan hệ tương tác hài hòa giữa con người với thế giới tự nhiên, còn tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được coi như một nét đặc trưng về tâm thế ứng xử của người Khơ-me, thể hiện sự trân trọng, biết ơn đối với quá khứ, thừa nhận sự hiện diện của quá khứ trong hiện tại và kết nối với tương lai.

3.1. Tín ngưỡng vật linh

Tín ngưỡng vật linh là một trong những loại tín ngưỡng sớm nhất của con người và ngày nay còn được thực hành ở một số quốc gia, trong đó có Việt Nam, với quan niệm mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên đều có linh hồn hoặc gắn với một vị thần. Cũng như nhiều cộng đồng khác ở Việt Nam, người Khơ-me tin rằng những linh hồn này có thể mang lại vận may hoặc vận rủi cho người sống, do đó, thông qua nghi lễ, con người cố gắng làm hài lòng những linh hồn, hóa giải sự tức giận nhằm bảo đảm sự bình yên trong cuộc sống. Trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa, người Khơ-me ở Nam Bộ vẫn duy trì loại hình tín ngưỡng này qua việc thờ cúng những viên đá cuội, cây cổ thụ, bến nước...

Tín ngưỡng vật linh của người Khơ-me thể hiện rõ nét nhất trong các hình thức thờ cúng Neak Tà. Có nhiều loại Neak Tà gắn với chức năng cai quản những không gian khác nhau, Neak Tà Phnom là thần núi, Neak Tà Prey là thần rừng, Neak Tà Sre là thần ruộng, Neak Tà Prek là thần sông và còn nhiều Neak Tà khác gắn với các loại cây, cỏ, đồ vật. Một số vị Neak Tà được cho là hiện thân của các vị thần trong Bà la môn giáo; đôi khi Neak Tà còn được đồng nhất với các vị tổ trong một gia đình, gọi là *Arăk* (Lê Hương, 1969: 69-70). Miếu thờ Neak Tà thường được dựng bằng nứa, lá hoặc gạch, ngói, chỉ vừa đủ một ban thờ nhỏ; ngay giữa miếu có đặt các viên đá lớn hoặc nhỏ, trơn nhẵn, được người dân lượm trong tự nhiên, không đẽo gọt, sửa sang. Ngày nay, do hỗn dung với tín ngưỡng của người Việt và người Hoa, một số miếu thờ Neak Tà có tượng hoặc tranh thờ mang dáng dấp một cụ già, tay có thể cầm gậy hoặc chày cối giã thuốc,... Người Khơ-me thờ cúng Neak Tà quanh năm. Khi gia đình có người bệnh lâu ngày, hoặc khi sắp làm một việc hệ trọng, họ mang lễ vật tới miếu thắp nhang khấn vái, cầu xin Neak Tà giúp đỡ. Nếu điều khấn được toại nguyện, người cầu xin phải đến làm lễ tạ ơn. Khi cộng đồng gặp thiên tai, dịch bệnh, những tai họa lớn, người Khơ-me làm lễ cầu xin Neak Tà nhập xác đồng (Rup) để được biết vì sao bị họa và được chỉ dẫn cách hóa giải (Lê Hương, 1969: 74-75). Ngoài những nghi lễ trên, vào đầu năm mới hằng năm, người Khơ-me ở Trà Vinh còn có lễ hội dành riêng để cúng Neak Tà, cầu mong thần phù hộ cho tất cả bà con được hạnh phúc, bình an trong năm mới. Một vị *achar* chủ lễ đại diện cho bà con báo cáo với Neak Tà tình hình sản xuất nông nghiệp của dân làng trong năm vừa qua; dâng vật phẩm cúng tạ ơn Neak Tà; và cầu xin thần tiếp tục che chở, bảo vệ người dân có đủ sức khỏe, may mắn thuận lợi để vụ mùa sau tiếp tục đạt hiệu quả cao (Nguyễn Hoàng Tuấn, 2017: 256; Nguyễn Thị Quế Hương và cộng sự, 2022: 167-170). Người Khơ-me coi Neak Tà là vị thần rất quan trọng, có vai trò như vị phúc thần bảo hộ sự bình yên, no ấm trong đời sống cộng đồng. Về mặt chức năng, Neak Tà có nhiều nét tương đồng với thành hoàng/thần làng trong tín ngưỡng của người Việt (Phạm Thị Thủy Chung và cộng sự, 2024).

3.2. Tín ngưỡng nông nghiệp

Nhìn chung, các nghiên cứu về văn hóa Việt Nam đều thống nhất rằng, văn hóa nông nghiệp là một trong những thành tố cơ bản kiến tạo nên nền văn hóa của các cộng đồng ở Việt Nam, trong đó, yếu tố nước đóng vai trò thiết yếu và có ảnh hưởng quan trọng đối với đời sống sinh hoạt và sản xuất. Các lễ hội nông nghiệp gắn liền với chu kỳ mùa màng được tổ chức ở quy mô lớn nhất trong năm.

Lễ hội Ok Om Bok - Đua ghe ngo là lễ hội tiêu biểu của tín ngưỡng nông nghiệp trong văn hóa tín ngưỡng Khơ-me. Theo quan niệm của người Khơ-me, mặt trăng có vai trò quan trọng đặc biệt trong đời

sống nông nghiệp, là vị thần cai quản, bảo hộ mùa màng. Xưa kia, lễ hội có tên gọi là “Chào Mặt trăng” hoặc “cúng Trăng,” tuy nhiên, ngày nay dân gian thường gọi là Lễ hội Ok Om Bok có nghĩa là “Đút cốm dẹp.” Nghi lễ cúng Trăng được tổ chức vào đêm ngày 15/10 âm lịch, thời gian lúa (nếp) đã chắc hạt, sắp đến mùa thu hoạch. Đây là một lễ thức nông nghiệp, gắn với quy trình canh tác lúa. Theo truyền thống của cộng đồng Khơ-me, vào mỗi vụ mùa, trước khi thu hoạch lúa chín, người dân sẽ ra đồng gặt nếp về làm cốm dẹp để cúng thần Mặt trăng, thần Đất, thần Nước... để tạ ơn các vị thần đã bảo trợ một vụ mùa bội thu, và nguyện cầu cho mùa sau sẽ tiếp tục có được thành quả sung túc, ấm no như vậy. Lễ cúng Trăng bao gồm ba nghi thức: cúng Trăng, bái Trăng, và Đút cốm dẹp. Cốm dẹp là một đặc sản ẩm thực của người Khơ-me, là lễ vật dâng cúng các vị thần, được làm từ nếp non của vụ mùa mới. Sau khi hoàn tất lễ cúng Trăng và bái Trăng, vị chủ lễ sẽ tiến hành “Đút cốm dẹp” cho những người dự lễ, hỏi han về mong ước tương lai của từng người và cầu chúc may mắn, hạnh phúc tới họ. Do đó, cốm dẹp cũng được coi là biểu trưng của sự may mắn, ấm no, hạnh phúc.

Cũng trong Lễ hội Ok Om Bok, đua ghe ngo được coi là hoạt động hấp dẫn nhất, thu hút sự quan tâm và đông đảo người xem, bao gồm cả người Khơ-me, người Việt, người Hoa sinh sống ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, du khách trong nước và quốc tế. Đua ghe ngo là một hình thức tái hiện nghi thức rước nước (cầu mùa, cầu tạnh, tống tiễn thần nước) trong nghi lễ nông nghiệp từ xa xưa. Chiếc ghe ngo là một biểu tượng văn hóa tín ngưỡng quan trọng, gắn với nhiều nghi lễ của cộng đồng. Ngày nay, nghi thức rước nước bằng ghe ngo đã trở thành lễ hội đua ghe ngo vô cùng sôi động, hấp dẫn, còn được người dân địa phương gọi là môn “thể thao vua” của khu vực.

Người Khơ-me ở vùng Bảy Núi (An Giang) có truyền thống tổ chức Lễ hội Đua bò. Đây là một dạng thức lễ hội nông nghiệp độc đáo, diễn ra vào dịp lễ hội Sen Đôlta (lễ cúng ông bà), khoảng tháng 8-9 âm lịch hằng năm. Người dân địa phương cho biết, theo truyền thống, lễ đua bò được tổ chức trên mảnh ruộng của chùa, do chùa đứng ra chủ trì. Nghi thức này mang ý nghĩa biểu trưng cho sự sung túc, no đủ của một vụ mùa. Tuy nhiên, bên dưới lớp ý nghĩa này, các cặp bò tham gia đua được coi là có sự liên hệ với bò thần Nandin trong Ấn Độ giáo, do đó, việc lựa chọn bò phải tuân thủ những quy định hết sức chặt chẽ.

3.3. Tín ngưỡng thờ cúng/hiếu kính tổ tiên

Thờ cúng tổ tiên (ông bà, tiền nhân trong dòng tộc) là tín ngưỡng phổ biến và trang trọng trong đời sống tín ngưỡng của người Khơ-me. Lễ hội chính liên quan đến tín ngưỡng này là Sen Đôlta, được tổ chức vào tháng 10-11 âm lịch, bao gồm nhiều nghi lễ khác nhau. Các nghi thức diễn ra trong 3 ngày, bên cạnh một số nghi lễ được thực hành tại gia, thì những nghi lễ quan trọng nhất đều diễn ra tại chùa. Người Khơ-me quan niệm tổ tiên là người bảo hộ cho dòng họ; các nghi lễ đời thường như giỗ chạp trong gia đình, lễ trưởng thành, cưới hỏi... cũng luôn cầu tổ tiên chứng giám và phù trì. Một phần trong lễ Sen Đôlta, cộng đồng cùng cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, bởi tổ tiên cũng được xem như linh hồn gắn liền với sự trường tồn của dòng họ. Ngoài Sen Đôlta là lễ hội dành riêng để cầu phước và tri ân ông bà, tổ tiên, người Khơ-me cũng thể hiện lòng hiếu kính, thờ cúng ông bà, tổ tiên, tiền nhân bằng nhiều hình thức khác nhau vào các dịp diễn ra lễ hội lớn, trong các phong tục, tập quán của cộng đồng. Trong đó, tín ngưỡng Arāk là một hình thức độc đáo, trong đó vai trò của tổ tiên đã được chuyển hóa trở thành vị thần bảo trợ cho gia đình, dòng họ.

Kết luận

Nghiên cứu tín ngưỡng truyền thống của người Khơ-me ở Nam Bộ thông qua những đặc điểm cơ bản và phân loại đã cho thấy hệ thống tín ngưỡng này là một trong những minh chứng tiêu biểu cho khả năng thích nghi, sáng tạo và duy trì bản sắc văn hóa - tôn giáo của cộng đồng dân tộc trong bối cảnh biến đổi lịch sử, xã hội và tôn giáo. Sự đan xen giữa Phật giáo Nam tông, ảnh hưởng của Ấn Độ giáo cổ đại, tín ngưỡng truyền thống gắn với bản sắc địa phương đã tạo nên diện mạo văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo

độc đáo của người Khơ-me ở Nam Bộ, góp phần vào sự đa dạng tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam và Đông Nam Á.

Thông qua lăng kính của Geertz, tín ngưỡng truyền thống của người Khơ-me được hiểu là một hệ thống văn hóa, không chỉ đơn thuần là quan niệm về đức tin, mà là một tập hợp các biểu tượng và hành vi nghi lễ được cộng đồng sử dụng để diễn giải và kiến tạo ý nghĩa về cuộc sống xã hội và quan hệ với thế giới tự nhiên của họ. Việc hệ thống hóa những đặc điểm cơ bản và một số loại hình tín ngưỡng truyền thống góp phần mang lại một góc nhìn rõ nét hơn về thế giới quan và triết lý nhân sinh sâu sắc của người Khơ-me, về sự hòa hợp giữa con người với thế giới siêu nhiên và môi trường sống, giữa truyền thống và hiện đại, giữa bản sắc riêng với mối quan hệ kết nối giữa các cộng đồng./.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Tâm Anh (2015), *Hình tượng Chằn (Yak) trong văn hóa Khmer*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Nguyễn Khắc Cảnh (2013), “Các thiết chế tự quản trong xã hội nông thôn truyền thống của người Khmer”, *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ*, tập 16, số X3, tr. 5-14.
3. Phạm Thị Thủy Chung (2020), “Tính thiêng và tính thế tục của chiếc ghe ngo trong văn hóa Khmer Nam Bộ”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10 (202), tr. 81-99.
4. Phạm Thị Thủy Chung (2021), *Ghe ngo của người Khmer Nam Bộ: Từ cộng đồng đến bảo tàng*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Thư viện Viện Văn hóa Nghệ thuật Thể thao và Du lịch Việt Nam, Thư viện Quốc gia.
5. Phạm Thị Thủy Chung, Hoàng Thị Bích Ngọc (2024), “Thành hoàng trong văn hóa Việt và Neak Tà trong văn hóa Khmer từ góc nhìn đối sánh”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11 (249), tr. 97-116.
6. G. E. Coedès (2011), *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông* (Nguyễn Thừa Hỷ dịch), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
7. Clifford Geertz (1973), *The Interpretation of Cultures*, Basic Books, New York.
8. Nguyễn Hữu Hiếu (2015), *Tục thờ thần qua am miếu Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
9. Kiều Thu Hoạch (2016), *Góp phần nghiên cứu lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
10. Sơn Phước Hoan (Chủ biên 1997), *Các lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
11. Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Nxb. Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Nguyễn Thị Quế Hương và cộng sự (2022), *Tôn giáo, tín ngưỡng ở khu vực Tây Nam Bộ hiện nay*, Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học và Tôn giáo học.
13. Nguyễn Thị Thu Hương (2016), “Kru Achar - Nhân tố quan trọng trong các nghi lễ vòng đời của người Khmer Nam Bộ”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Trà Vinh, số 24, tr. 24-33.
14. Nguyễn Thanh Lợi (2018), “Khảo cứu việc thờ Bà Đen ở Tây Ninh”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 09 (177), tr. 87-100.
15. Danh Lùng (2020), “Chức năng xã hội trong nghi lễ vòng đời của người Khmer Nam Bộ”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 7 (263), tr. 51-65.
16. Lâm Nhân, Trần Văn Út (Đồng chủ biên, 2015), *Văn hóa phi vật thể các dân tộc tỉnh Sóc Trăng*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
17. Nguyễn Thị Hoàng Phượng (2022), “Lễ tục truyền thống từ thai kỳ đến sơ sinh của người Khmer ở An Giang”, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Đồng Tháp, số 11 (1), tr. 54-63.

18. Thạch Pích (2020), “Sen Đôlta - Lễ nghi truyền thống lớn nhất trong năm của người Khmer”, *Báo Sóc Trăng*, ngày 17/9/2020.
19. Châu Đạt Quan (1973), *Chân Lạp phong thổ ký* (Lê Hương dịch), Kỷ nguyên mới xuất bản, Sài Gòn.
20. C. Steward, R. Shaw (ed. 1994), *Syncretism/Anti-syncretism - The politics of religious synthesis*, Routledge Publisher, London.
21. Sô-ry-a (1988), *Lễ hội Khmer Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
22. Vĩnh Thông (2024), “Chuyển đổi tín ngưỡng Arăk của người Khmer ở Tây Nam Bộ”, trong: *Phong vị Nam Hà*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
23. Phan Anh Tú (2014), “Ứng xử với môi trường tự nhiên của người Khmer ở Nam Bộ: Nhìn từ sinh thái học Phật giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5 (131), tr. 61-69.
24. Phan Anh Tú (2021), “Biến đổi tín ngưỡng Néak Tà của người Khmer Nam Bộ: Sự trở lại của hình tượng Rishi và thần Shiva trong đạo Bà La Môn”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, số 10 (107), tr. 40-47.
25. Nguyễn Hoàng Tuấn (2017), “Lễ hội Neak Tà của người Khmer Trà Vinh”, trong: *Văn hóa dân gian Nam Bộ: Tín ngưỡng dân gian*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
26. Hoàng Túc (2011), *Diễn ca Khmer Nam Bộ*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
27. Huỳnh Ngọc Trảng và nhóm tác giả sưu tầm, biên soạn (1983), *Truyện cổ Khor-me Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
28. Tiền Văn Triệu (2011), *Tích xưa về người Khmer Sóc Trăng*, Nxb. Phương Đông, Cà Mau.
29. Huỳnh Hiếu Trung (2017), “Tục đi tu báo hiếu của người Khmer ở Sóc Trăng: Giá trị và biến đổi”, *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ*, tập 20, số X2, tr. 82-88.

Abstarct

TRADITIONAL BELIEFS OF THE KHMER IN SOUTHERN VIETNAM: CHARACTERISTICS AND CLASSIFICATION

Pham Thi Thuy Chung

*Institute of Anthropology and Religious Studies
Vietnam Academy of Social Sciences*

The Khmer community in Southern Vietnam possesses a rich and distinctive system of religious and beliefs. While Theravada Buddhism is regarded as the dominant religion with profound influence on social life, in practice, traditional beliefs occupy an essential position and are frequently interwoven with Buddhist practices. Drawing on Clifford Geertz's interpretive approach to culture, along with documentary analysis and field research, this article examines the characteristic forms of traditional beliefs among the Khmer in Southern Vietnam. It then proposes a classification and interpretation of their salient features, providing a more systematic and in-depth understanding of the community's religious and beliefs culture.

Keywords: Southern Vietnam, Khmer, traditional beliefs, characteristics, classification.